

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HS-ST

Ngày 02-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Viết

Ông Nguyễn Trọng Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Lê Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4269/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 5/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1984; con: có 01 con sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định số 2841/QĐ-XPHC ngày 14/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã xử phạt hành chính số tiền 118.700.000 đồng về hành vi “khai thác cát, sỏi ngoài phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; hành lang bảo vệ luồng; phạm vi luồng hoặc ngoài phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”, nộp phạt ngày 27/4/2023; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Thanh H1, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Số A ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người làm chứng:

Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Số I ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/4/2023, Nguyễn Văn T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2841/QĐ-XPHC về hành vi “khai thác cát, sỏi lòng sông mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”, khối lượng cát 8,64m³, số tiền phạt là 118.700.000 đồng, ngày 27/4/2023, T đã chấp hành xong quyết định xử phạt. Vào tối ngày 03/6/2023, T và Huỳnh Văn N (hành nghề bơm hút cát thuê) cùng đi trên tàu sắt, không biển kiểm soát của ông Đỗ Thanh H1 đến đoạn sông T thuộc thủy phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre, để hút cát trái phép. Tại đây, khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, T và N vận hành hệ thống trên tàu hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của tàu. Đến khoảng 22 giờ 25 phút cùng ngày, khi T và N đang hút cát thì bị Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh B bắt quả tang, kiểm tra khối lượng cát trên tàu là 23,364 m³ và bàn giao Công an huyện C, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết.

Vật chứng thu giữ:

- 01 tàu sắt không biển kiểm soát, chiều dài lớn nhất 21,5m, chiều rộng lớn nhất 4,9m, chiều cao 2,4m.
- 01 máy chính nhãn hiệu YANMAR, không rõ công suất, chiều dài 1,4m, chiều ngang 0,7m, chiều cao 01m.
- 01 máy bơm hút cát, không rõ nhãn hiệu, công suất, chiều dài 1,3m, chiều ngang 0,5m, chiều cao 01m.
- 01 đầu bơm để bơm hút cát từ khoang chứa lên bờ, chiều dài 1,1m, chiều ngang 0,34m, chiều cao 0,6m.
- 01 đầu bơm để hút cát từ đáy sông lên tàu, chiều dài 1,25m, chiều ngang 0,5m, chiều cao 0,7m.
- 01 đầu bơm để hút nước, chiều dài 0,6m, chiều ngang 0,35m, chiều cao 0,56m.
- 01 ống nhựa màu xanh, dài 06m, đường kính 0,12m.
- 01 ống nhựa màu đen, dài 4,5m, đường kính 0,15m.

- 01 ống nhựa màu xanh, dài 25m, đường kính 0,28m, 01 đầu nối với đầu bơm hút cát, đầu còn lại nối với 01 ống bằng kim loại dài 2,4m, để thả xuống đáy sông.

- 01 ống nhựa màu xanh, dài 2,1m, đường kính 0,2m, 01 đầu gắn với đầu hút cát, 01 đầu hướng vào khoang chứa cát.

- 01 ống nhựa màu đen, dài 03m, đường kính 0,1m, dùng để hút nước.

- 01 mẫu cát sông, ký hiệu KS-0362023 (05kg).

- Cát sông, khối lượng 23,364 m³ (đã trừ 05kg), đã bơm trả lại lòng sông.

- Kết quả trưng cầu giám định mẫu cát: Kết luận giám định tư pháp ngày 21/9/2023 của Giám định viên thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác định: Mẫu cát sông ký hiệu KS-0362023, trong vụ khai thác cát trái phép phát hiện vào ngày 03/6/2023, trên sông T thuộc thủy phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B gửi giám định là khoáng sản.

- Kết quả yêu cầu định giá tài sản: Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG, ngày 23/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre xác định 23,364 m³ trong vụ khai thác cát trái phép phát hiện vào ngày 03/6/2023, trên sông T thuộc thủy phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B yêu cầu định giá có giá trị là 1.542.024 đồng.

- Kết quả định vị xác định vị trí nơi xảy ra vụ việc khai thác cát trái phép: Vị trí Nguyễn Văn T và Huỳnh Văn N khai thác trái phép vào ngày 03/6/2023 được xác định tại tọa độ X: 1142073, Y: 558747 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105 độ 45 phút múi chiều 3 độ), đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre xác định vị trí tọa độ này thuộc địa giới hành chính xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vị trí tọa độ này không có cấp giấy phép khai thác khoáng sản tại thời điểm ngày 03/6/2023.

Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập.

* Tại Cáo trạng số 72/CT-VKSBT-P1 ngày 09/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố Nguyễn Văn T về “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phù hợp nội dung Cáo trạng.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Áp dụng điểm đ khoản 1

Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 tháng đến 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả cho ông Đỗ Thanh H1 01 tàu sắt không biển kiểm soát, chiều dài lớn nhất 21,5m, chiều rộng lớn nhất 4,9m, chiều cao 2,4m cùng các bộ phận kèm theo tàu sắt đã thu giữ; tịch thu sung ngân sách nhà nước mẫu cát sông, ký hiệu KS-0362023.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố về tổng thể đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định: Nguyễn Văn T không được cấp phép khai thác khoáng sản và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông), chưa hết thời hạn để xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vào khoảng 22 giờ 25 phút ngày 03/6/2023 Nguyễn Văn T và Huỳnh Văn N sử dụng phương tiện là tàu sắt, không biển kiểm soát có hệ thống bơm hút cát của ông Đỗ Thanh H1, điều khiển đến sông T có tọa độ X: 1142073, Y: 558747 thuộc thủy phận xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre để hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của ghe thì bị Tổ công tác của Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Bến Tre phát hiện bắt quả tang, với khối lượng cát sông đã khai thác được là 23,364 m³, giá trị 1.542.024 đồng.

Về nhân thân: Nguyễn Văn T đã bị xử phạt hành chính vào ngày 14/4/2023 đã chấp hành quyết định nhưng chưa hết thời hạn để xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lại tiếp tục vi phạm cùng hành vi. Nơi Nguyễn Văn T khai thác cát Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chưa cấp phép khai thác cát cho cá nhân, tổ chức nào.

Với ý thức, hành vi, nhân thân và lượng cát mà Nguyễn Văn T đã khai thác, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố Nguyễn Văn T về “Tội vi phạm quy

định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy của Việt Nam mà không có giấy phép, gây ảnh hưởng xấu đến tài nguyên, môi trường sinh thái và trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Hành vi của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bà nội bị cáo là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình (theo quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt tù dưới mức thấp nhất mà điều luật quy định cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 tàu sắt không biển kiểm soát, chiều dài lớn nhất 21,5m, chiều rộng lớn nhất 4,9m, chiều cao 2,4m cùng các bộ phận kèm theo tàu sắt đã thu giữ, thuộc sở hữu của ông Đỗ Thanh H1, bị cáo T sử dụng để đi hút cát trái phép ông H1 không biết nên được trả lại cho ông H1. Số cát thu giữ là khoáng sản do phạm tội mà có nên tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

[6] Những vấn đề khác: Đối với Huỳnh Văn N, hành vi không cấu thành tội phạm, Công an tỉnh Bến Tre đã chuyển xử lý hành chính.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo luật định.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm “Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù;

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

* Trả cho ông Đỗ Thanh H1:

- 01 tàu sắt không biển kiểm soát, chiều dài lớn nhất 21,5m, chiều rộng lớn nhất 4,9m, chiều cao 2,4m.

- 01 máy chính nhãn hiệu YANMAR, không rõ công suất, chiều dài 1,4m, chiều ngang 0,7m, chiều cao 01m.

- 01 máy bơm hút cát, không rõ nhãn hiệu, công suất, chiều dài 1,3m, chiều ngang 0,5m, chiều cao 01m.

- 01 đầu bơm để bơm hút cát từ khoang chứa lên bờ, chiều dài 1,1m, chiều ngang 0,34m, chiều cao 0,6m.

- 01 đầu bơm để hút cát từ đáy sông lên tàu, chiều dài 1,25m, chiều ngang 0,5m, chiều cao 0,7m.

- 01 đầu bơm để hút nước, chiều dài 0,6m, chiều ngang 0,35m, chiều cao 0,56m.

- 01 ống nhựa màu xanh, dài 06m, đường kính 0,12m.

- 01 ống nhựa màu đen, dài 4,5m, đường kính 0,15m.

- 01 ống nhựa màu xanh, dài 25m, đường kính 0,28m, 01 đầu nối với đầu bơm hút cát, đầu còn lại nối với 01 ống bằng kim loại dài 2,4m, để thả xuống đáy sông.

- 01 ống nhựa màu xanh, dài 2,1m, đường kính 0,2m, 01 đầu gắn với đầu hút cát, 01 đầu hướng vào khoang chứa cát.

- 01 ống nhựa màu đen, dài 03m, đường kính 0,1m, dùng để hút nước.

* Tịch thu để nộp ngân sách nhà nước:

- 01 mẫu cát sông, ký hiệu KS-0362023 (mẫu cát còn lại sau khi Trung cầu giám định).

Tình trạng vật chứng: Các vật chứng nêu trên không xác định được chất lượng còn lại.

(Vật trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2023 hiện Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre đang quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo Bản án. Để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKS nhân dân tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, huyện G (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (4b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh